

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số 21/2022/HNGĐ - ST

Ngày 10/8/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phước Hoà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Đức.

2. Bà Võ Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân- Thư ký Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S - Số 25 Hà Thị Thân, quận S, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 28/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 03 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị Mỹ D, sinh năm 1986; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 17 A8, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng. Chỗ ở: Chung cư 3A Làng C, phường N, quận S, TP. Đà Nẵng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn L; Sinh năm 1980. Nơi cư trú: số 17 A8, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn - bà Đoàn Thị Mỹ D trình bày:*

Tôi và ông Trần Văn L kết hôn năm 2004. Hôn nhân tự nguyện và có thời gian tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận S, thành phố

Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau tại chung cư 3A Làng C, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên xung đột xúc phạm nhau một cách gay gắt không còn tình cảm yêu thương như trước, ông Trần Văn L không còn trách nhiệm với vợ con. Không làm để phụ giúp vợ con, chửi bới, đánh đập tôi và xúc phạm danh dự, nhân phẩm tôi nhiều lần. Mặc dù, tôi đã cố gắng rất nhiều để hàn gắn tình cảm vợ chồng vì gia đình, con cái nhưng nay vẫn không có kết quả. Nay tôi xác định không còn tình cảm với ông Trần Văn L, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Trần Văn L.

- *Về con chung*: Tôi và ông Trần Văn L có 02 con chung là Trần Văn B, sinh ngày 18/4/2006 và Trần Phương V, sinh ngày 12/7/2011. Khi ly hôn, nguyện vọng của tôi là được nuôi 02 con Trần Văn B và Trần Phương V cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông Trần Văn L cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: vợ chồng tôi không có nợ chung.

* Ông Trần Văn L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông không đến Tòa nên không thu thập được lời khai của ông trong quá trình tố tụng và ông cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với các bên đương sự, nguyên đơn là bà Đoàn Thị Mỹ D đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Riêng bị đơn là ông Trần Văn L liên tục vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại các phiên tòa xét xử nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của của bà Đoàn Thị Mỹ D đối với ông Trần Văn L.

- Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83 giao 02 con Trần Văn B, sinh ngày 18/4/2006 và Trần Phương V sinh ngày 12/7/2011 cho bà Đoàn Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung của ông bà đủ 18 tuổi. Do bà Đoàn Thị Mỹ D không yêu cầu ông Trần Văn L cấp dưỡng nuôi con nên ông Trần Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: bà Đoàn Thị Mỹ D không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

- Về nợ chung: bà Đoàn Thị Mỹ D xác định vợ chồng không có nợ chung, ông Trần Văn L vắng mặt nên để đảm bảo quyền lợi cho các bên đề nghị không xem xét giải quyết về nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

- Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con của bà Đoàn Thị Mỹ D đối với ông Trần Văn L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn là ông Trần Văn L vẫn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên thuộc trường hợp xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Đoàn Thị Mỹ D và ông Trần Văn L kết hôn năm 2004. Hôn nhân tự nguyện và có thời gian tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 143, quyển số 01/2004 do UBND phường N quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29 tháng 10 năm 2004). Hôn nhân của hai ông bà phù hợp với các quy định của pháp luật về điều kiện và thủ tục kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Đoàn Thị Mỹ D, thì thấy:

Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông Trần Văn L vắng mặt, không thu thập được lời khai của ông, nhưng qua lời trình bày của bà Đoàn Thị Mỹ D và qua xác minh thì được biết trong cuộc sống vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp nhau, tổ cũng có khuyên can nhưng không có kết quả, bà D và ông L vẫn không có tiếng nói chung, hiện hai ông bà vẫn đang sống ly thân nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai vợ chồng đến Tòa để hòa giải theo trình tự tố tụng nhưng ông Trần Văn L thường xuyên vắng mặt, chứng tỏ ông Trần Văn L cũng không tha thiết gì đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, HĐXX xét thấy, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức trầm trọng, nếu cứ kéo dài cuộc sống hôn nhân như hiện nay thì không đạt được mục đích nên cần căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đoàn Thị Mỹ D là phù hợp.

[3] Về con chung: bà Đoàn Thị Mỹ D và ông Trần Văn L có 02 con chung là Trần Văn B, sinh ngày 18/4/2006 và Trần Phương V, sinh ngày 12/7/2011. Khi ly hôn, nguyện vọng của bà Đoàn Thị Mỹ D là được nuôi 02 con Trần Văn B và Trần Phương V cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông Trần Văn L cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của bà Đoàn Thị Mỹ D về việc nuôi con thì thấy, từ khi hai ông bà sống ly thân nhau đến nay, bà D là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, các cháu được chăm sóc và ăn học đầy đủ, bản thân các cháu từ trước đến nay hai chị em sống chung và gắn bó với nhau, nếu tách các cháu ra để giao cho bố mẹ mỗi người nuôi một cháu thì sẽ làm xáo trộn cuộc sống đang ổn định của các cháu, các cháu dễ bị tổn thương, ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu. Trong quá trình tố tụng cháu Trần Phương V xin được ở với mẹ; riêng cháu Trần Văn B mặc dù cháu có nguyện vọng xin được ở với ba nhưng bản thân ông L lại thường xuyên vắng mặt, chứng tỏ ông cũng không tha thiết gì đến việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho các cháu HĐXX cần áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao 02 con chung Trần Văn B và Trần Phương V cho bà Đoàn Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con của ông bà đủ 18 tuổi. Bà Đoàn Thị Mỹ D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên ông Trần Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: bà Đoàn Thị Mỹ D không yêu cầu tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập đến.

[5] Về nợ chung: bà Đoàn Thị Mỹ D xác định vợ chồng không có nợ chung, ông Trần Văn L thì vắng mặt nên để đảm bảo quyền lợi cho các bên, HĐXX không đề cập giải quyết về nợ chung.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30.12.2016 về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” thì bà Đoàn Thị Mỹ D phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Đoàn Thị Mỹ D đã nộp tại biên lai thu số 03200 ngày 14/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận S.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30.12.2016 về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đoàn Thị Mỹ D đối với ông Trần Văn L.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Đoàn Thị Mỹ D được ly hôn với ông Trần Văn L (Giấy chứng nhận kết hôn số 143, quyển số 01/2004 do UBND phường, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29 tháng 10 năm 2004).

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Trần Văn B, sinh ngày 18/4/2006 và Trần Phương V, sinh ngày 12/7/2011 cho bà Đoàn Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông Trần Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích con chung các bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Đoàn Thị Mỹ D phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Đoàn Thị Mỹ D đã nộp tại biên lai thu số 03200 ngày 14/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận S.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát q. S
- Những người tham gia tố tụng
- UBND phường N, q. Sơn Trà;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Phước Hòa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

